

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Văn Lộc

2. Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; “vắng mặt”

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 13, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Trần Thanh T trình bày: Chị và Anh H chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 16/11/2010 tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, Anh H không lo làm ăn để lo cho vợ con mà thường xuyên nhậu nhẹt và chơi bài bạc. Năm 2019 chị làm đơn khởi kiện ly hôn với Anh H tại Tòa án nhưng vì muốn

cho Anh H cơ hội nên rút đơn về, tuy nhiên vợ chồng không hàn gắn được mâu thuẫn nên ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn về chung sống lại, chị yêu cầu ly hôn với Anh H.

Về con chung: Lê Trần Như A, sinh ngày 24/8/2010 và Lê Tấn H, sinh ngày 08/7/2013, từ khi ly thân hai con chung ở với chị, chị yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Anh Lê Văn H trình bày trong hồ sơ vụ án: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, anh có uống rượu nhưng không đánh vợ, vợ bỏ đi anh có qua thăm con nhưng không cấp dưỡng cho con vì anh làm thợ hồ, vợ tự dắt con đi thì tự nuôi. Anh không đồng ý ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 51, 56, 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T xử cho Chị T được ly hôn với Anh H. Đề nghị giao hai con chung cho Chị T nuôi dưỡng, Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 15/5/2020 Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai

không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Chị T, Anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, Anh H chung sống với nhau năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 16/11/2010 tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã, không cùng nhau bàn bạc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, Anh H thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc nên Chị T giận bỏ về nhà cha mẹ ruột, anh chị ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay hai bên không gặp gỡ để hòa giải, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị T, Anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T, xử cho chị được ly hôn với Anh H là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Lê Trần Như A, sinh ngày 24/8/2010 và Lê Tấn H, sinh ngày 08/7/2013, Chị T yêu cầu nuôi hai cháu không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét về con chung thì thấy rằng từ ngày ly thân đến nay hai cháu A và H sống chung với Chị T, tâm tư tình cảm hai cháu gắn liền với Chị T, hơn nữa lấy lời khai cháu A và H nguyện vọng của hai cháu được sống chung với Chị T và từ ngày ly thân đến nay Chị T trực tiếp nuôi con chung, Anh H không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, về điều kiện của Chị T nên giao cháu A và H cho Chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị T, Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Anh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thanh T xử cho Chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lê Trần Như A, sinh ngày 24/8/2010 và Lê Tấn H, sinh ngày 08/7/2013 cho Chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị T, Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006674 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Phước Vĩnh;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hường